|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ |

**PHỤ LỤC 2:**

**YÊU CẦU VÀ MẪU TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG CDIO,  
MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, BÁO CÁO THAM VẤN**

**1. Yêu cầu đối với Đề cương CDIO**

- Đề cương CDIO được đối sánh với Chuẩn đầu ra trình độ đại học của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, với Mục tiêu của chương trình đào tạo với Tiêu chuẩn nghề nghiệp *(nếu ngành đào tạo có tiêu chuẩn nghề nghiệp).*

- Đề cương CDIO (bản chính thức) được trình bày ở dạng bảng gồm có các chủ đề chuẩn đầu ra (cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3) và mức độ năng lực mong muốn theo mẫu ở mục 5.

**2. Yêu cầu đối với Mục tiêu chương trình đào tạo**

- Mục tiêu của chương trình đào tạo bao gồm Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể; các mục tiêu cụ thể được ký hiệu: PO1, PO2, PO3, PO4.

- Kết quả phân tích sự phù hợp giữa Mục tiêu chương trình đào tạo hiện hành (trước 2022) với Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh (năm 2022) và với Chiến lược phát triển của ngành trình bày được những điểm phù hợp, chưa phù hợp để làm cơ sở cho việc điều chỉnh Mục tiêu chương trình đào tạo.

- Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể (bản chính thức sau điều chỉnh) được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu; tương thích với Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh; phản ánh được năng lực nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp.

**3. Yêu cầu đối với Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được trình bày ở dạng bảng gồm 3 cột: Ký hiệu, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Mức độ năng lực theo mẫu ở mục 6.

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên mục tiêu của ngành đào tạo.

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được hoàn thiện dựa trên kết quả của báo cáo tham vấn ý kiến các bên liên quan.

- Chuẩn đầu ra cấp 2 (PLOx.x) và cấp 3 (PLOx.x.x) được diễn đạt đúng theo cấu trúc: Động từ Bloom + Chủ đề chuẩn đầu ra + Bối cảnh cụ thể.

- Động từ Bloom được sử dụng thể hiện đúng với mức độ năng lực mong muốn cho Chuẩn đầu ra đó (cột Mức độ năng lực).

- Các Chuẩn đầu ra về kỹ năng xây dựng sản phẩm, quy trình, hệ thống và dịch vụ: Tập trung vào hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các giải pháp trong các bối cảnh tổ chức/doanh nghiệp/kinh doanh và xã hội.

Cột **Mức độ năng lực** sử dụng các ký hiệu dưới đây và tương ứng với mức độ năng lực mong muốn của chủ đề chuẩn đầu ra.

**- Kiến thức** (**K**): **K2**: Biết/Nhớ; **K3**: Hiểu; **K4**: Áp dụng/Phân tích; **K5**: Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo (*Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001*);

- **Thái độ** (**A**): **A2**: Tiếp nhận; **A3**: Hồi đáp/Phản ứng; **A4**: Chấp nhận giá trị; **A5**: Tổ chức/Ứng xử (*Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973*);

- **Kỹ năng** (**S**): **S1**: Nhận thức/Bắt chước; **S2**: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; **S3**: Thuần thục/Chính xác: **S4**: Thành thạo kỹ năng phức tạp/Hoàn thiện thứ tự hoạt động: **S5**: Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới (*Ref: Simpson, 1972; Dave, 1975*).

**- Năng lực (C): C3:** Vận dụng**; C4:** Phân tích**; C4:** Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo.

**4. Yêu cầu đối với Báo cáo tham vấn ý kiến các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

- Báo cáo được trình bày theo mẫu của Trung tâm Đảm bảo chất lượng đã ban hành theo Công văn số 405/ĐHV ngày 24/4/2021.

- Đủ số lượng phiếu tối thiểu, đủ thành phần tham gia khảo sát.

- Kết quả phân tích thể hiện việc sử dụng kết quả tham vấn vào điều chỉnh mục tiêu của chương trình đào tạo.

- Kết quả phân tích thể hiện sự điều chỉnh Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Kết quả phân tích thể hiện đề xuất hình thức tổ chức dạy học, sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá...

**5. Mẫu trình bày Đề cương CDIO**

**ĐỀ CƯƠNG CDIO NGÀNH …..**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề chuẩn đầu ra** | **Mức độ năng lực** |
| **1.** | **Kiến thức và lập luận ngành** |  |
| 1.1. |  |  |
| 1.1.1. |  |  |
| 1.1.2. |  |  |
|  |  |  |
| 1.2. |  |  |
|  |  |  |
| **2.** | **Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp** |  |
| 2.1. |  |  |
| 2.1.1. |  |  |
|  |  |  |
| 2.2. |  |  |
|  |  |  |
| **3.** | **Kỹ năng năng làm việc nhóm và giao tiếp** |  |
| 3.1. |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **4.** | **Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – Quá trình sáng tạo** |  |
| 4.1. |  |  |
| 4.1.1 |  |  |
|  |  |  |
| 4.2. |  |  |
| 4.2.1. |  |  |
|  |  |  |

*Ghi chú*: Cột Mức độ năng lực sử dụng các ký hiệu dưới đây và tương ứng với mức độ năng lực mong muốn của chủ đề chuẩn đầu ra.

**- Kiến thức** (**K**): **K2**: Biết/Nhớ; **K3**: Hiểu; **K4**: Áp dụng/Phân tích; **K5**: Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo (*Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001*);

- **Thái độ** (**A**): **A2**: Tiếp nhận; **A3**: Hồi đáp/Phản ứng; **A4**: Chấp nhận giá trị; **A5**: Tổ chức/Ứng xử (*Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973*);

- **Kỹ năng** (**S**): **S1**: Nhận thức/Bắt chước; **S2**: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; **S3**: Thuần thục/Chính xác: **S4**: Thành thạo kỹ năng phức tạp/Hoàn thiện thứ tự hoạt động: **S5**: Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới (*Ref: Simpson, 1972; Dave, 1975*).

**- Năng lực (C): C3:** Vận dụng**; C4:** Phân tích**; C4:** Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo**.**

**6. Mẫu trình bày Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | **Mức độ năng lực** |
| PLO1.1. | (CĐR CTĐT) |  |
| 1.1.1. | (CĐR chi tiết) |  |
| 1.1.2. |  |  |
|  |  |  |
| PLO1.2. |  |  |
| 2.1.1. |  |  |
| 2.1.2. |  |  |
|  |  |  |
| … |  |  |
| PLO2.1. |  |  |
| 2.1.1. |  |  |
| 2.1.2. |  |  |
|  |  |  |
| … |  |  |